

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/DS-PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Giang Thị Cẩm Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2024/QĐ-PT ngày 4 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lượng: Ông Nguyễn Hoàng M- sinh năm 1951 (văn bản uỷ quyền ngày 5/12/2023)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Uỷ ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thanh T– Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G.

+ Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thảo: Ông Nguyễn Hoàng M- sinh năm 1951 (văn bản uỷ quyền ngày 5/12/2023).

+ Bà Lê Kim H, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Ông Phan Văn L.

(Ông D, ông M, bà H có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên Ông Trần Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trần Thái T cha Ông D, cho Ông D vào năm 1975. Sau khi được cha Ông D cho thì Ông D là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này vào việc trồng cây ăn trái như: Dừa, khóm, chuối. Đến năm 2022 thì Ông Phan Văn L ngang nhiên đến chiếm đất và xây nhà mặc dù khi tiến hành xây nhà Ông D đã ngăn cản và có trình báo chính quyền địa phương để lập biên bản, nhưng ông L vẫn tiến hành xây dựng căn nhà có hiện trạng như hiện nay. Do đó, Ông D khởi kiện yêu cầu Ông Phan Văn L tháo dỡ nhà và trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích qua đo đạc thực tế là: 126,8m², đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn Ông Phan Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thu T trình bày: Đất tranh chấp là của ông Phan Văn O-là cha của ông Lượng. Hiện tại ông O đã chết, ông là con trai của ông O có nhu cầu sử dụng đất nên đã cất nhà ở. Việc Ông D khởi kiện yêu cầu ông L trả đất thì ông L, bà T không đồng ý vì đất tranh chấp ông O - cha ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thị xã G ông Đỗ Thanh T- Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G xác định:* Căn cứ công văn số: 445/CV-CVPĐKĐĐ, ngày 18/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai: Diện tích đất tranh chấp 126.8m² thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5 (bản đồ chính quy 378) do Hộ Ông Trần Văn D kê khai đăng ký sổ mục kê đất đai ngày 27/3/2008, hiện tại chưa có thông tin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đất hiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật giải quyết vụ án.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn D về việc buộc Ông Phan Văn L giao trả phần đất có diện tích: 126,8m², nằm tại thửa 579, tờ bản

đồ số 5, do hộ gia đình Ông D đăng ký kê khai sổ mục kê, ngày 27/3/2008. Đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (tuyên tứ cạnh kèm theo).

2. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực buộc Ông Phan Văn L, bà Phan Thị Thu T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời 01 căn nhà do ông L xây dựng có cấu trúc chiều ngang 3,2m; chiều dài 13,2m tổng diện tích 42,24m². Có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách mặt trước và mặt sau xây tường, hai vách bên xây tường cao 01m; phần còn lại đóng tôn sóng vuông, nền lót gạch men, nhà có gác lửng bằng ván. Mái che phía sau có chiều ngang 3,2m; chiều dài 2,2m; có diện tích 7,04m². Kết cấu khung thép tiền chế, mái lợp tôn xi măng, nền láng xi măng để giao trả phần đất có diện tích 126.8m² nêu trên cho Ông Trần Văn D và bà Lê Kim H.

Ông Trần Văn D có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật khi có nhu cầu.

3. Buộc Ông Trần Văn D trả giá trị nền nhà được san lấp cho Ông Phan Văn L và bà Phan Thị Thu T số tiền 18.150.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2023, bị đơn Ông Phan Văn L kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của ông L vẫn giữ nguyên yêu kháng cáo.

Ông D, bà H giữ nguyên lời khai tại tòa án cấp sơ thẩm, thống nhất với nội dung quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ông Phan Văn L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý

kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Phan Văn L trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

UBND thị xã G có đơn yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt UBND thị xã G.

[2] Phần đất tranh chấp giữa Ông D và ông L có diện tích 126,8m² đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có số đo và vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất tranh chấp giữa Ông Trần Văn D và ông Trần Văn Cường có số đo cạnh dài 4m;

- Hướng Tây giáp phần đất ông Phương Cao Bằng đang quản lý có số đo cạnh dài 4m;

- Hướng Nam giáp phần đất ông Ngô Thanh Sử, ông Phan Văn O, bà Trần Thị Hoa, ông Nguyễn Đăng Tín, ông Phan Văn Phúc có số đo cạnh dài 32.70m

- Hướng Bắc giáp phần đất Ông Trần Văn D có số đo cạnh dài 32.70m;

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp: Có 01 căn nhà do ông L xây dựng có cấu trúc chiều ngang 3,2m; chiều dài 13,2m tổng diện tích 42,24m². Có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách mặt trước và mặt sau xây tường, hai vách bên xây tường cao 01m; phần còn lại đóng tôn sóng vuông, nền lót gạch men, nhà có gác lửng bằng ván. Mái che phía sau có chiều ngang 3,2m; chiều dài 2,2m; có diện tích 7,04m². Kết cấu khung thép tiền chế, mái lợp tôn xi măng, nền láng xi măng.

[3] Xét kháng cáo của Ông Phan Văn L yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn D về việc buộc Ông Phan Văn L di dời tài sản, giao trả phần đất có diện tích: 126,8m², đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3.1] Đối với quyền sử dụng diện tích 126,8m² đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2023 của ông Châu Văn Sở là người sinh sống cố cựu ở địa phương xác định “Tôi là người địa phương cũng sống lâu năm ở địa phương nên tôi có biết; trước đây phần đất của ông Phan Văn O là của cha vợ tôi là ông Trần Văn Sơn (đã chết) chuyển nhượng qua hai người, sau đó người cuối cùng mới chuyển nhượng lại cho ông O. Phần đất của cha tôi chuyển nhượng cho những người trước là phần đất giáp lộ nhựa đến hết hậu đất (hậu đất là phần đất hiện nay anh ông L là ông Phúc cất nhà ở như hiện nay; cũng như cha ông L đã bán lại cho những người dân hiện nay cất nhà đã cất hết phần đất nhận chuyển nhượng từ cha tôi, không còn dư phần đất nào hết). Phần đất ông O giáp với đất của Ông D nên phần đất sau nhà ông Phúc hiện nay là của

Ông D, không phải của ông O (cha ông Lượng). Trước đây Ông D có sử dụng đất này là trồng chuối, dừa, còn hiện nay thì tôi không biết có còn dừa và chuối nữa hay không”.

Cũng tại biên bản xác minh ngày 8/8/2023 ông Trương Văn Tân là trưởng ấp xác định *“Nguồn gốc đất tranh chấp hiện nay giữa Ông D và ông L có nguồn gốc từ ông Trần Thái Thực-cha Ông D cho lại Ông D; đến năm 2021-2022 ông L xây nhà thì hai bên tranh chấp và có báo chính quyền địa phương”*

Mặc khác tại Công văn số: 445/CV-CVPĐKĐĐ, ngày 18/4/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã G xác định: *Diện tích đất tranh chấp 126.8m² thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5 (bản đồ chính quy 378) do hộ Ông Trần Văn D kê khai đăng ký sổ mục kê đất đai ngày 27/3/2008, hiện tại chưa có thông tin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

Như vậy, ông L cho rằng đất của cha ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng qua công văn trả lời của cơ quan chuyên môn xác định đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông O, mà do Hộ Ông Trần Văn D kê khai đăng ký sổ mục kê đất đai ngày 27/3/2008. Quá trình sử dụng đất ông L cũng xác định chỉ sử dụng vào năm 2022, khi xây nhà thì Ông D phát hiện ngăn cản và tranh chấp cho đến nay. Do đó, không có căn cứ xác định đất tranh chấp là của ông O-cha ông Lượng, mà có căn cứ xác định phần đất tranh chấp diện tích 126.8m² thuộc một phần thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5 (bản đồ chính quy 378) thuộc quyền quản lý sử dụng của Ông D. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông D buộc ông L giao trả diện tích đất đã lấn chiếm 126,8m², đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nêu là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của Ông D buộc ông Lượng, bà Thảo có trách nhiệm tháo dỡ nhà trả phần đất đã lấn chiếm có diện tích 126.8m².

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà do ông L xây dựng và đang quản lý sử dụng cùng bà Thảo, ngoài ra không còn người khác cùng sử dụng. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 28/10/2022 ông L xác định *“Tôi cất nhà khoảng tháng 9/2022, khi tôi đổ nền thì Ông D không có ý kiến gì, nhưng đến khi tiến hành xây nhà thì Ông D ngăn cản, có xã chính quyền địa phương đến lập biên bản đề nghị dừng thi công, nhưng tôi không đồng ý dừng thi công do các hộ khác đang tranh chấp với tôi, tôi cũng yêu cầu xã giải quyết ngăn chặn việc xây nhà của các hộ khác nhưng xã không giải quyết nên tôi vẫn thi công nhà tôi hiện nay”*. Tại biên bản ghi lời khai ngày 3/3/2023 ông L và bà Thảo xác định *“Trường hợp phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông D thì vợ chồng chúng tôi đồng ý tháo dỡ nhà trả lại*

đất cho Ông D. Tuy nhiên, khi tôi tiến hành đổ đá đắp nền chuẩn bị xây nhà thì Ông D không ngăn cản, đến khi tôi xây nhà lên thì Ông D mới ngăn cản. Do đó, tôi đã đổ 55 xe đá xô bỏ vào nền nhà và thuê người vận chuyển xi măng, cát đá vào đắp nền chi phí này thì đề nghị Ông D có trách nhiệm thanh toán lại cho tôi.”.

Cũng tại Công văn số: 55/CV-UBND, ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G xác định: “*Qua tra cứu hồ sơ lưu tại UBND xã T không tìm thấy biên bản làm việc giữa Ông D và ông L về việc tranh chấp đất ngày 09/9/2022: Lý do công chức địa chính ghi biên bản ngày đó đã chuyển công tác sang địa bàn khác không bàn giao lại biên bản này và do di dời cơ quan nên có thể đã thất lạc biên bản. Tuy nhiên UBND xã xác nhận ngày 09/9/2022 có cử đồng chí Nguyễn Trung Tín công chức địa chính xã và đồng chí Trương Văn Tân trưởng Ấp X đến lập biên bản và đề nghị ông L ngừng việc thi công để chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết*”.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2023 ông Trương Văn Tân là trưởng ấp xác định “*Ngoài phần đất hiện nay Ông D và ông L đang tranh chấp ra thì ông L còn một phần đất gắn liền với nhà khác cũng tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu*”.

Như vậy, dù biết phần đất đang tranh chấp, chính quyền địa phương đã yêu cầu ngừng thi công và có lập biên bản nhưng ông L vẫn xây nhà nên lỗi thuộc về ông L, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ông D, buộc ông L tháo dỡ nhà trả lại đất tranh chấp là có căn cứ.

[3.3] Về chi phí đắp nền nhà ông L xác định: Đã đổ 55 khối đá xô bỏ (giá một khối đá xô bỏ là 330.000 đồng/khối = 18.150.000 đồng); tiền công thuê người vận chuyển đá đắp nền chi phí là: 4.000.000 đồng; Tổng chi phí là 22.150.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí đắp nền nhà cũng như chi phí thuê người vận chuyển đá vào nền nhà, nhưng Ông D tự nguyện trả chi phí đắp nền nhà là 18.150.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của Ông D, buộc Ông D có trách nhiệm trả cho ông L chi phí đắp nền nhà là 18.150.000 đồng là phù hợp.

[3.4] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Do có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông D nên ông L phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng. Ông D không phải chịu án phí do là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí.

- Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 2.486.000 đồng, ông L phải chịu, Ông D đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá

2.486.000 đồng đã chi phí hết, buộc ông L có trách nhiệm trả cho Ông D số tiền 2.486.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lương; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phan Văn L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai;

- Điều 166, 168 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn D về việc buộc Ông Phan Văn L giao trả phần đất có diện tích: 126,8m², thuộc thửa 579, tờ bản đồ số 5, do hộ gia đình Ông D đăng ký kê khai sổ mục kê ngày 27/3/2008. Đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất tranh chấp có số đo và vị trí tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất tranh chấp giữa Ông Trần Văn D và ông Trần Văn Cường có số đo cạnh dài 4m;

- Hướng Tây giáp phần đất ông Phương Cao Bằng đang quản lý có số đo cạnh dài 4m;

- Hướng Nam giáp phần đất ông Ngô Thanh Sử, ông Phan Văn O, bà Trần Thị Hoa, ông Nguyễn Đăng Tín, ông Phan Văn Phúc có số đo cạnh dài 32.70m

- Hướng Bắc giáp phần đất Ông Trần Văn D có số đo cạnh dài 32.70m;

Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp giữa Ông D và ông L ngày 04/01/2023 là một phần không thể tách rời của bản án.

2. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực buộc Ông Phan Văn L, bà Phan Thị Thu T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời 01 căn nhà do ông Lxây dựng có cấu trúc chiều ngang 3,2m; chiều dài 13,2m tổng diện tích 42,24m². Có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, vách mặt trước và mặt sau xây tường, hai vách bên xây tường cao 01m; phần còn lại đóng tôn sóng vuông, nền lót gạch men, nhà có gác lửng bằng ván. Mái che phía sau có chiều ngang 3,2m; chiều dài 2,2m; có diện tích 7,04m². Kết cấu khung thép tiền chế, mái lợp tôn xi măng, nền láng xi măng để giao trả phần đất có diện tích 126.8m² nêu trên cho Ông Trần Văn D và bà Lê Kim H.

Ông Trần Văn D có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật khi có nhu cầu.

3. Buộc Ông Trần Văn D trả giá trị nền nhà được san lấp cho Ông Phan Văn L và bà Phan Thị Như Thảo số tiền 18.150.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, Ông Phan Văn L phải nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, Ông Trần Văn D được miễn, không phải nộp. Ông D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004421 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ông Phan Văn L phải nộp 300.000 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại biên lai thu số 0008305 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, được chuyển thu án phí.

4.3. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 2.486.000 đồng, ông L phải chịu, Ông D đã nộp đủ và chi phí hết nên buộc ông L có nghĩa vụ trả cho Ông D số tiền 2.486.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương